

Bản án số: 288/2023/DS-ST
Ngày 28-11-2023
V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 535/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Mỹ K, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Hồng T; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn Kh; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Mỹ K trình bày:

Ngày 25/10/2021 ăl, bà đã tham gia hai chung hụi trong dây hụi 1.000.000đ, gồm 39 chung mở cùng ngày do ông Kh, bà T làm đầu thảo. Sau khi tham gia, bà đã đóng được 17 kỳ thì ông K, bà T tuyên bố đình hụi. Số tiền ông Kh và bà T nợ là 17 kỳ x 1.000.000đ x 2 = 34.000.000đ, sau đó đã trả được 4.620.000đ, còn nợ 29.380.000đ.

Tại đơn khởi kiện, bà K yêu cầu ông Kh và bà T trả lại số tiền nợ hội 29.380.000đ. Tại phiên Tòa, bà K yêu cầu ông Kh, bà T trả số tiền 25.000.000đ.

Đối với ông Phạm Văn Kh và bà Trần Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn Kh và bà Trần Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà K, thấy rằng: Xét lời trình bày của bà K và danh sách hội viên ngày 25/10/2021, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: bà K có tham gia hai chung hội trong đây hội 1.000.000đ mở ngày 25/10/2021 âm lịch do bà T làm chủ. Theo bà K cho rằng sau khi tham gia, bà đã đóng được 17 kỳ thì bà T tuyên bố đình hội nên bà T còn nợ là 34.000.000đ, đã trả được 4.620.000đ, còn nợ 29.380.000đ.

Đối với ông Kh, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp văn bản ghi ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà K. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, hai bên xác lập giao dịch hội là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, bà K yêu cầu ông Kh, bà T trả số tiền nợ 25.000.000đ. Xét thấy, việc bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Trong thời gian bà T giao dịch hội, bà và ông Kh vẫn đang sống chung nhà và tồn tại mối quan hệ hôn nhân nên khoản nợ trên là nợ chung của bà T, ông Kh.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Buộc ông Kh, bà T trả cho bà K số tiền 25.000.000đ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà K không phải chịu, đã nộp tạm ứng số tiền 585.000đ được nhận lại. Ông Kh, bà T phải chịu 25.000.000đ x 5% = 1.250.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Mỹ K. Buộc ông Phạm Văn Kh, bà Trần Hồng T trả cho bà Trương Mỹ K số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Mỹ K không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 585.000đ (năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000408 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại. Ông Phạm Văn Kh, bà Trần Hồng T phải chịu 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

